

SO SÁNH CỦA TÍNH TỪ VÀ TRẠNG TỪ

I. Tóm tắt bài giảng

1. So sánh bằng:

- Công thức: **As + adj / Adv + as**

He is as tall as me = He is as tall as I am.

He works as hard as me = He works as hard as I do.

- Trong so sánh “không bằng” ta có thể dùng so...as thay cho as....as

I am not so / as tall as you. (Tôi không cao bằng bạn)

He doesn't work as / so hard as me.

- **as + adj + noun + as**

Ví dụ: I earn as much money as him.

There are as many cats in my room as in his room.

- **Đọc thêm:**

Có thể thêm các chữ sau đây trước so sánh bằng để làm rõ nghĩa hơn: exactly = just, nearly = almost, hardly, twice, three times...

I am exactly/just as tall as you. (Tôi cao đúng bằng bạn)

I am almost/nearly as tall as you. (Tôi cao gần bằng bạn)

2. So sánh hơn:

- Công thức với tính từ / trạng từ ngắn (là adj / adv chỉ có 1 âm tiết):

Adj / Adv + er + than

I am taller than him. (Tôi cao hơn anh ấy) = He isn't so tall as me.

I work harder than him. (Tôi làm việc chăm chỉ hơn anh ấy) = He doesn't work as hard as me.

- Công thức với tính từ / trạng từ dài:

More + Adj / Adv + than

I am more beautiful than her. (Tôi đẹp hơn cô ấy)

She dances more beautifully than me.

- Đặc biệt: Tuy narrow và clever là tính từ dài (2 âm tiết) nhưng ta vẫn thêm _er cho so sánh hơn: narrower, cleverer
- Những tính từ, trạng từ mà gốc của từ kết thúc là Y thì đổi thành I rồi thêm er. Ví dụ: early → earlier; easy → easier; busy → busier; happy → happier

Những trạng từ được cấu tạo từ tính từ bằng cách thêm LY thì ta dùng more + adv (vì gốc của trạng từ đó không phải là Y). Ví dụ: more slowly, more quietly, more carefully...

- Những trường hợp đặc biệt
good / well → better
ill / bad / badly → worse
little → less
many / much → more

far → farther/ further

old → older / elder

- **Lưu ý:**

- ✓ Khi muốn diễn đạt anh (chị) lớn, anh (chị) cả trong gia đình ta thường dùng elder brother, elder sister. Nhưng muốn diễn đạt lớn hơn bao tuổi thì ta dùng older.

Ví dụ: My elder brother is three years older than me.

Nam is Linh's elder brother.

- ✓ “Farther” và “Further”

Farther: Thường được dùng để nói về khoảng cách địa lý.

Further: Thường dùng với nghĩa bóng “thêm vào”, “hơn nữa”.

Ví dụ: I will give you further details later.

For further information,

- ✓ So sánh hơn không nhất thiết phải có 'than' trong câu. Ví dụ:

There is less rain today.

If you learn English well, you can get a better job.

- ✓ Cách dùng “more” và “less”:

more / less + adj / adv + than

Ví dụ: There are more people today.

He did more carefully than me.

Ta cũng có thể dùng: **He did less carefully than me.** (Anh ta không cẩn thận bằng tôi)

- ✓ Ta có thể nhấn mạnh sự hơn nhiều bằng cách dùng "much/far/a lot, many, greatly, a great deal" hoặc hơn ít bằng cách thêm "a bit/a little/slightly" trước hình thức so sánh..

Ví dụ: I am far taller than you. (Tôi cao hơn bạn nhiều)

I am much more beautiful than you.

This house is slightly more expensive than that one. (Căn nhà này thì hơi mắc hơn căn nhà kia.)

3. So sánh nhất:

Công thức tính từ/trạng từ ngắn:

The Adj/Adv + est

(Thêm the trước tính từ và thêm est sau tính từ. Phía sau có thể có N hoặc không.)

Ví dụ: I am the tallest student in the class. (Tôi là học sinh cao nhất trong lớp)

Công thức tính từ dài:

The most Adj/Adv

(Thêm the most trước tính từ. Phía sau có thể có N hoặc không.)

Ví dụ: I am the most beautiful girl in my class. (Tôi đẹp nhất)

Chú ý:

- ✓ Nếu chỉ có 2 đối tượng thì chỉ dùng so sánh hơn, so sánh nhất chỉ dùng khi có từ 3 đối tượng trở nên.
- ✓ Vì là so sánh nhất thì đối tượng đó đã xác định nên trong so sánh nhất bao giờ cũng phải có “the” ngoại trừ khi đã có sở hữu cách. Ví dụ: my best book.
- ✓ I like Jane the most of all brothers and sisters. (Trong số những anh chị em gái, tôi thích Jane nhất.)
- ✓ So sánh hơn nhất hay đi với cấu trúc S+ have + ever:

Ví dụ: This is the most beautiful girl I have ever met.

This is the best film I've ever seen.

✓ **Một số Idiom (thành ngữ) dùng so sánh hơn**

as soon as: càng sớm càng tốt

Ví dụ: as soon as possible

as well as = and

I need to learn English as well as Math

✓ Có thể lược bớt mệnh đề sau “than”:

I did the exam better than I had expected. = I did the exam better than expected.

✓ at the latest: là muộn nhất

You should submit by Friday at the latest. (Bạn cần phải nộp trước thứ 6 là muộn nhất)

✓ at least: ít nhất

4. So sánh kép (Double comparison)

Dạng 1:

Với tính từ / trạng từ ngắn:

S + V + adj-er + and + adj-er

Ví dụ: It is hotter and hotter. (Trời càng ngày càng nóng.)

Với tính từ / trạng từ dài:

S + V + more and more + adj / adv

The lessons are more and more difficult.

Dạng 2:

The + so sánh hơn + S + V, the + so sánh hơn + S + V

The hotter it is, the more unpleasant I feel.

The younger you are, the easier it is to learn.

The more you study, the higher your results are.

II. Tài liệu đọc thêm

- Nếu muốn nói nhất trong số các đối tượng thì dùng of phía sau.

Mary is the tallest of the three girls. (Mary cao nhất trong số 3 cô gái)

Cũng có thể để cụm of..... đầu câu:

Of the three girls, Mary is the tallest. (Trong số 3 cô gái, Mary cao nhất)

- **SO SÁNH SỐ LẦN**

Dùng so sánh bằng và số lần để trước so sánh.

Ví dụ:

I am twice as heavy as you. (Tôi nặng gấp 2 lần bạn)

- **SO SÁNH SỐ LƯỢNG**

Dùng so sánh HƠN và số lượng để trước so sánh

Ví dụ:

I am 2 kg heavier than you. (Tôi nặng hơn bạn 2kg)

I am 3 years older than you.

- Có thể dùng danh từ thay cho số lượng.

Ví dụ:

I am a head taller than you. (Tôi cao hơn bạn 1 cái đầu)

= I am taller than you by a head.

III. Bài về nhà

Bài 1. Hoàn thành các câu sau bằng sử dụng các từ cho sẵn trong ngoặc.

1. A cheetah isthan a horse. (fast)
2. Susan's hair isthan Betty's. (short)
3. The Mt Blanc is.....than the Großglockner, the Mt Everest is the.....mountain. (high)
4. June is..... than May, but July is the (hot)
5. Table tennis is than tennis, but badminton is the..... . (easy)
6. French is..... than English, but Chinese is the language. (difficult)
7. "Airforce One" is the film I have ever seen. (interesting)
8. No, I don't think so. "Contact" is than "Airforce One". (interesting)
9. Hot dogs are than hamburgers. (good)
10. This is the chocolate cake I have ever eaten. (good)
11. Skiing is as.....as riding a bike. (easy)
12. Carol sings as as Mary, but Cindy sings the..... . (beautiful)
13. Tennis is..... than skiing, but football is thesport. (popular)
14. Detective films are as as western films. (boring)
15. No, I don't think so! Romantic films are than western films, but nature films are the films I have ever seen. (boring)
16. The United States are than Mexico, but Russia is thecountry (large)
17. I'd like to have acar. The one I've got keeps breaking down. (reliable)
18. A canary is than an eagle, but a parrot is the bird. (colourful)
19. Peter is as.....as George. (clever)
20. January is as as February. (cold)

Bài 2. Kết hợp 2 câu cho sẵn thành 1 câu bằng sử dụng so sánh kép.

1. The apartment is big. The rent is high.
2. We set off soon. We will arrive soon.
3. The joke is good. The laughter is loud.
4. She gets fat. She feels tired.
5. As he gets older, he wants to travel less.
6. The children are excited with the difficult games.
7. People drive fast. Many accidents happen.
8. I meet him much. I hate him much
9. My boss works better when he is pressed for time.
10. As he has much money, he wants to spend much.
11. If you read many books, you will have much knowledge.
12. He speaks too much and people feel bored.
13. The growth in the economy makes people's living condition better.
14. He learned a lot of things as he traveled far.

Đáp án

1. faster	2. shorter	3. higher, highest	4. hotter, hottest	5. easier, easiest
6. more difficult, most difficult	7. most interesting	8. more interesting	9. better	10. best
11. easy	12. beautifully, most beautifully	13. more popular, most popular	14. boring	15. more boring, most boring
16. larger, largest	17. more reliable	18. more colourful, most colourful	19. clever	20. cold

Bài 2.

1. The bigger *the apartment is*, the higher *the rent is*..
2. The sooner *we set off*, the sooner *we will arrive*.
3. The better *the joke is*, the louder *the laughter is*.
4. The fatter *she gets*, the more tired *she feels*.
5. The older *he gets*, the less *he want to travel*.
6. The more *difficult the games are*, the more excited *the children are*.
7. The faster *people drive*, the more accidents *happen*..
8. The more *I meet him*, the more *I hate him*.
9. The less *time my boss has*, the better *he works*.
10. The more *money he has*, the more *he wants to spend*.
11. The more *books you read*, the more *knowledge you will have*.
12. The more *he speaks*, the more bored *people feel*.
13. The more *the economy grows*, the better *people's living condition is*.
14. The farther *he travel*, the more *he learn*.